

6 しゅっさん こそだ 出産・子育て

(1) 妊娠・出産の流れ

▶ こども家庭センター 母子保健担当室 TEL：047-366-5180

下記の手続きを行う場合は、本人・居住地の確認のため顔写真がついた証明書（マイナンバーカード、運転免許証、在留カード、特別永住者証明書など）をお持ちください。

手続き・申込み	時期	必要なもの・手続き	担当窓口	TEL
母子健康手帳①の交付	妊娠 6 週間ごろ以降、できるだけ早く	☒ 妊娠届出書（窓口で配布） ☒ 本人確認書類（顔写真付き） ☒ マイナンバーカード ☒ 妊娠を確認できるもの	市役所、および各支所内の市民健康相談室（48 ページを確認ください）	
妊婦健康診査	妊娠期間中 14 回	☒ 母子健康手帳 ☒ 妊婦健診受診券（母子健康手帳と一緒に交付）	中央保健福祉センター 小金保健福祉センター ときわ平保健福祉センター	047-366-7489 047-346-5601 047-384-1333
妊婦歯科健康診査	妊娠期間中 1 回	☒ 母子健康手帳 ☒ 妊婦歯科健診受診券（母子健康手帳と一緒に交付）		
ママパパ学級	妊娠 16 週～ 32 週の間に 3 回（変更となる場合があります）	☒ 母子健康手帳 ☒ 筆記用具 ☒ テキスト（参加時に配布） ☒ 2 回目のみバスタオル		
妊婦訪問	妊娠中	妊娠中で訪問を希望する人や必要の人に保健師や助産師などの専門職が家庭訪問し、健康相談を受けます。		
産婦健康診査	出産から 2 週間後と 1 か月後	☒ 母子健康手帳 ☒ 産婦健康診査受診票（母子健康手帳と一緒に交付）		
予防接種（RS ウイルスワクチン）	妊娠 28 週 から 36 週 6 日まで	☒ 母子健康手帳 ☒ 予防接種番号（妊娠 28 週までに郵送） ☒ 本人確認書類（マイナンバーカードなど） 接種を受けたい人は、市内医療機関などにご相談してください。	予防衛生課	047-366-7483
出産育児一時金②支給の手続き	出産前	「直接支払制度合意書」に記入して、医療機関に提出	各医療機関	—
ご出産と入院（日本では、約 4 日間入院します）				
出生届の提出	こどもが生まれてから、出生日を含めて 14 日以内	☒ 出生届書（病院から交付） ☒ 母子健康手帳 ☒ その他（家庭状況に応じて）	市民課	047-366-7340
児童手当③申請	出生届と同時に	☒ 認定請求書又は額改定届（窓口で配布）※ ☒ 請求者の金融機関の通帳コピー ☒ その他（家庭状況に応じて）	子ども未来応援課 児童給付担当室 ※申請書などは市の	
子ども医療費助成④申請	出生届と同時に	☒ 子ども医療費助成申請書（窓口で配布）※	ホームページ「松戸市出産・子育ての申請書ダウンロード」から出力できます。	047-366-3127
出産育児一時金②支給の手続き	出産時	出産時に加入の健康保険へお問合せください。下記の人が対象です。 ・直接支払制度の支払いが 50 万円未満だった人 ・直接支払制度を利用しなかった人 ・海外で出産された人	こくみんけんこう けん かにゅう 国民健康保険に加入の人は国保年金課 上記以外の方は加入の健康保険組合	047-712-0141 (国民健康保険コールセンター) —



出産・子育て

(1) Từ khi mang thai đến khi sinh em bé

► Trung tâm trẻ em và gia đình Văn phòng sức khỏe mẹ và bé TEL: 047-366-5180

Khi đi làm các thủ tục sau đây vui lòng đem theo giấy tờ tùy thân có gắn ảnh (Thẻ mã số cá nhân, bằng lái xe, thẻ lưu trú, giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt,...) để xác nhận chính chủ và nơi cư trú.

Các thủ tục, đăng ký	Thời gian	Những thủ tục, giấy tờ cần thiết	Bộ phận phụ trách	Thông tin liên lạc
Cấp Sổ tay sức khỏe mẹ và bé ①	Khoảng từ khi mang thai tuần thứ 6 trở đi, nên đến nhận sớm nhất có thể	☒ Tờ khai mang thai (Lấy tại quầy làm thủ tục) ☒ Giấy tờ tùy thân (có gắn ảnh) ☒ Thẻ mã số cá nhân ☒ Giấy tờ xác nhận việc mang thai	Văn phòng tư vấn sức khỏe cư dân tại Tòa thị chính hoặc các chi nhánh (Tham khảo trang 49)	
Khám thai	14 lần trong suốt thời gian mang thai	☒ Sổ tay sức khỏe mẹ và bé ☒ Phiếu khám thai (Được cấp cùng Sổ tay sức khỏe mẹ và bé)	Trung tâm phúc lợi y tế trung ương	047-366-7489
Khám răng khi mang thai	1 lần trong suốt thời gian mang thai	☒ Sổ tay sức khỏe mẹ và bé ☒ Phiếu khám răng khi mang thai (Được cấp cùng Sổ tay sức khỏe mẹ và bé)		
Lớp học dành cho bố mẹ tương lai	3 lần từ tuần mang thai thứ 16 đến tuần 32 (có thể thay đổi)	☒ Sổ tay sức khỏe mẹ và bé ☒ Giấy bút ☒ Tài liệu (Được phát khi tham gia) ☒ Khăn tắm (trong lần thứ 2)	Trung tâm phúc lợi y tế Kogane	047-346-5601
Thăm hỏi thai phụ	Trong suốt thời kỳ mang thai	Nhân viên hộ sinh hoặc nhân viên y tế cộng đồng đến thăm hỏi tận nhà và giải đáp các thắc mắc trong trường hợp có nguyện vọng	Trung tâm phúc lợi y tế Tokiwadaira	047-384-1333
Khám sản phụ	Hai tuần và 1 tháng sau sinh	☒ Sổ tay sức khỏe mẹ và bé ☒ Phiếu khám sản phụ (Được cấp cùng Sổ tay sức khỏe mẹ và bé)		
Tiêm phòng (Vaccine RSV)	Từ tuần thai thứ 28 đến ngày 6 tuần thai thứ 36	☒ Sổ tay sức khỏe mẹ và bé ☒ Mã số tiêm phòng (sẽ gửi qua đường bưu điện trước tuần thai thứ 28) ☒ Giấy tờ tùy thân (thẻ My Number...) Người muốn tiêm vui lòng tư vấn với các cơ sở y tế trong thành phố.	Ban dịch tễ dự phòng	047-366-7483
Thủ tục nhận tiền trợ cấp sinh và nuôi con 1 lần ②	Trước khi sinh	Điền "Giấy đồng ý nhận chi trả trực tiếp" và nộp cho cơ sở y tế	Các cơ sở y tế	—
Khi nhập viện sinh em bé (Ở Nhật Bản, thời gian nhập viện khi sinh là khoảng 4 ngày)				
Làm Giấy khai sinh	Trong vòng 14 ngày kể từ khi sinh (tính cả ngày sinh)	☒ Giấy chứng sinh (Do bệnh viện cấp) ☒ Sổ tay sức khỏe mẹ và bé ☒ Giấy tờ khác (tùy vào hoàn cảnh mỗi hộ gia đình)	Ban thị dân	047-366-7340
Đăng ký Trợ cấp nhi đồng ③	Cùng với làm Giấy khai sinh	☒ Giấy yêu cầu chứng nhận trợ cấp nhi đồng hoặc đơn điều chỉnh trợ cấp (Lấy tại quầy làm thủ tục) ※ ☒ Bản sao sổ tài khoản ☒ Giấy tờ khác phụ thuộc vào hoàn cảnh mỗi hộ gia đình	Văn phòng phụ trách trợ cấp nhi đồng, Ban hỗ trợ tương lai trẻ em ※ Giấy này có thể download tại website của thành phố Matsu-do	047-366-3127
Đăng ký Trợ cấp y tế cho trẻ em ④	Cùng với làm Giấy khai sinh	☒ Giấy đăng ký trợ cấp y tế cho trẻ em (Lấy tại quầy làm thủ tục) ※		
Thủ tục nhận tiền trợ cấp sinh và nuôi con 1 lần ②	Khi sinh	Hãy hỏi nơi đang tham gia bảo hiểm vào thời điểm sinh. Những người dưới đây là đối tượng được nhận: - Người mà chi phí trả của chế độ chi trả trực tiếp là dưới 500.000 yên - Người đã không sử dụng chế độ chi trả trực tiếp - Người sinh con tại nước ngoài	Ban bảo hiểm và lương hưu trong trường hợp tham gia bảo hiểm y tế quốc dân Các trường hợp khác vui lòng liên hệ với cơ quan phụ trách bảo hiểm	047-712-0141 (Tổng đài bảo hiểm y tế quốc dân)
				—



てつづ 手続き・申込み	じ き 時期	ひつようなもの・手続き	たんとうまどぐち 担当窓口	TEL
ざいりゅう し かく しゅとく 在留資格の取得	しゅっしやう 出生から 30 日以内	ち ほうしゅつにゆうこくざいりゅうかん り かんしよ といあわ 地方出入国在留管理官署にお問合せください。 (こどもが にほんこくせき ば あい 日本国籍でない場合)	ち ほうしゅつにゆうこくざいりゅうかん り かんしよ 官署	—
ほんこくせい ふ ほうこく 本国政府への報告	しゅっしやう 出生から 30 日以内	たい し かん りやうじ かん といあわ 大使館 / 領事館にお問合せください。(こどもが にほんこくせき ば あい 日本国籍でない場合)	たい し かん りやうじ かん 大使館 / 領事館	—
とくべつえいじゅうきよ か しんせい 特別永住許可申請	しゅっしやう 出生から 60 日以内	し みん か といあわ 市民課にお問合せください。	し みん か 市民課	047-366-7340

① ほ し けんこう て ちやう 母子健康手帳

母子健康手帳とは、妊娠の経過、出産、乳幼児の健康診査、予防接種などを記録する、大事な手帳です。

② しゅっさん ひ やう こくみんけんこう ほ けん きん む さき か にやう けんこう ほ けん し ばら せい ど し きやう 出産育児一時金

出産にかかる費用が、国民健康保険もしくは勤務先で加入している健康保険から支払われる制度です。ただし、支給上限があります。

③ し どう て あて 児童手当

児童手当とは、子育てをする家計の負担を軽くし、児童の健やかな成長を支えるための手当で、高校 3 年生相当年齢までの児童を養育している人に支給されます。(令和 6 年 10 月から制度が変更され、所得制限がなくなりました)

④ こ いりやう ひ じよせい 子ども医療費助成

子ども医療費助成とは、松戸市に住民登録がある高校 3 年生相当年齢までのこどもの、通院・入院・調剤の医療費を助成する制度です。保険診療外の医療費(例：健診、予防接種など)など適用されない場合もあります。

(2) にやうやう じ けんこう (2) 乳幼児の健康

① にやうやう じ けんこうしん さ そうだん 乳幼児健康診査・相談

けんこうしん さ そうだん 健康診査・相談	ないやう 内容	けんこうしん さ そうだんないやうつう ち ほうほう 健康診査・相談内容通知方法
しんせいじじやうかく りーニング検査	せいご にちいない じ き しゅっさん びやういん いたく いりやう き かん 生後 50 日以内の時期に、出産した病院または委託医療機関で受けてください。	ほ し けんこう て ちやう いっしょ じゅしんりやう こう ふ 母子健康手帳と一緒に受診票を交付
1 か月児健康診査	せいご げつ じ き いたく いりやう き かん う 生後 1 か月の時期に委託医療機関で受けてください。	
にやうじ かていぜん こ ほうもん 乳児家庭全戸訪問	せいご げつ むか まえ にやうじ すべ かてい じよさん し 生後 4 か月を迎える前までの乳児がいる全ての家庭を、助産師・保健師が訪問して体重測定や健康相談を受けています。	ほしけんこうてちやうべつ まつ しんせいじ しゅっしやうれんらくりやう 母子健康手帳別冊の新生児出生連絡票(ハガキ)を管轄の保健福祉センターに郵送、またはしゅっしやうどけい し みんけんこうそうだんしつ ていしゅつ 又は出生届時に市民健康相談室へ提出。
にやうじ けんこうしん さ 乳児健康診査	せいご げつ げつ じ き いたく いりやう 生後 3～4 か月、6～7 か月、9～10 か月の時期に委託医療機関で受けてください。	せいご げつ つき ちやうじかん こじん つうち 生後 2 か月になる月の中旬に、個人に通知
にやうじ こ かんせつけんしん 乳児股関節健診	せいご げつ じ き し ない いたく いりやう き かん う 生後 3～4 か月の時期に、市内の委託医療機関で受けてください。	
いくじ そうだん 育児相談	にやうやう じ けんこうそうだん こそだ そうだん こべつ う 乳幼児の健康相談、子育ての相談などを個別で受けています。	ずいじ かく ほ けんふく し ほんちやう かく し しょ 随時(各保健福祉センター・本庁・各支所の市民健康相談室)
あか きやうしゅつ 赤ちゃん教室	おおむねせいご げつ げつ にやうじ ほ ごしや たいしやう けん おおむね生後 2 か月～12 か月までの乳児と保護者を対象に、健康・離乳食・歯のことなどの情報提供や個別相談などを行います。	ずいじ さん か もうし こ かく ほ けんふく し 随時(参加申込みは各保健福祉センターまで)
り にやうしよくきやうしゅつ 離乳食教室	せいご げつ げつ あか だい し ほ ごしや たいしやう 生後 4 か月～5 か月の赤ちゃん(第 1 子)の保護者を対象に、管理栄養士が離乳食の進め方や作り方を話しします。	ずいじ といあわ かく ほ けんふく し 随時(お問合せは各保健福祉センターまで)
さい げつ じ 1 歳 6 か月児健康診査	さい げつ じ たいしやう けんこうしん さ おこな いくじ えいやう 1 歳 6 か月児を対象に健康診査を行います。育児・栄養・むし歯予防についての相談も行います。	せいご さい げつ つき ちやうじかん こじん 生後 1 歳 6 か月になる月の中旬に、個人に通知
わんぱく し か くらぶ 歯科 くらぶ	さい げつ さい げつ じ き ば よ ほうきやうしゅつ おこな 2 歳 2 か月～3 歳 5 か月までの時期にむし歯予防教室を行っています。	さい げつ じ けんこうしん さ じ もう こ あん 1 歳 6 か月児健康診査時に申し込みの案内をしています。
さい じ けんこうしん さ 3 歳児健康診査	さい げつ じ たいしやう けんこうしん さ おこな いくじ えいやう 3 歳 6 か月児を対象に健康診査を行います。育児・栄養・むし歯予防についての相談も行います。	せいご さい げつ つき ちやうじかん こじん 生後 3 歳 5 か月になる月の中旬に、個人に通知



Các thủ tục, đăng ký	Thời gian	Những thủ tục, giấy tờ cần thiết	Bộ phận phụ trách	Thông tin liên lạc
Đăng ký tư cách lưu trú	Trong vòng 30 ngày sau sinh	Vui lòng liên hệ với cơ quan quản lý lưu trú xuất nhập cảnh địa phương (Trường hợp trẻ không mang quốc tịch Nhật Bản)	Cơ quan quản lý lưu trú xuất nhập cảnh địa phương	—
Báo cáo với chính quyền nước mang quốc tịch	Trong vòng 30 ngày sau sinh	Vui lòng liên hệ với đại sứ quán hoặc lãnh sự quán (Trường hợp trẻ không mang quốc tịch Nhật Bản)	Đại sứ quán, lãnh sự quán	—
Đăng ký vĩnh trú đặc biệt	Trong vòng 60 ngày sau sinh	Vui lòng liên hệ Ban thị dân	Ban thị dân	047-366-7340

① Sổ tay sức khỏe mẹ và bé

Sổ tay sức khỏe mẹ và bé là quyển sổ quan trọng ghi lại quá trình mang thai cho đến khi sinh nở, kết quả khám sức khỏe của trẻ sơ sinh, lịch tiêm phòng của trẻ,...

② Tiền trợ cấp sinh và nuôi con 1 lần

Chi phí sinh nở sẽ được chi trả từ bảo hiểm y tế quốc dân hoặc bảo hiểm y tế đang tham gia tại nơi làm việc theo hạn mức quy định. Tuy nhiên, có hạn mức chi trả.

③ Trợ cấp nhi đồng

Trợ cấp nhi đồng là trợ cấp chi trả cho người đang nuôi con, được nhận cho đến khi con đến tuổi tương đương năm 3 của bậc trung học phổ thông, nhằm hỗ trợ nuôi con tốt hơn và giảm gánh nặng về kinh tế khi nuôi con. (Từ tháng 10/2024, chính sách thay đổi nên không còn giới hạn về thu nhập)

④ Trợ cấp y tế cho trẻ em

Trợ cấp y tế cho trẻ em là chính sách hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em khi nhập viện, khám bệnh, cấp phát thuốc cho trẻ có đăng ký thường trú tại Matsudo đến khi trẻ đến tuổi tương đương năm thứ 3 của bậc trung học phổ thông. Trong một số trường hợp, chi phí y tế nằm ngoài phạm vi bảo hiểm như khám sức khỏe hoặc tiêm phòng sẽ không được áp dụng trợ cấp này.

(2) Sức khỏe trẻ sơ sinh

① Khám và tư vấn sức khỏe cho trẻ sơ sinh

Khám và tư vấn sức khỏe	Nội dung	Cách thức thông báo
Khám sàng lọc thính giác trẻ sơ sinh	Trong vòng 50 ngày sau khi sinh, hãy đưa trẻ tới khám tại bệnh viện nơi sinh trẻ hoặc cơ sở y tế được ủy thác.	Phiếu khám được phát cùng Sổ tay sức khỏe mẹ và bé
Khám sức khỏe cho trẻ 1 tháng tuổi	Khám khi trẻ được 1 tháng tuổi tại các cơ sở y tế được ủy thác.	
Thăm hỏi tại nhà	Tất cả trẻ sơ sinh trong thành phố đều có nhân viên hộ sinh hoặc nhân viên y tế đến thăm hỏi và nhận tư vấn, theo dõi cân nặng tại nhà cho đến 4 tháng tuổi.	Gửi bưu điện Phiếu thông báo sinh con (bưu thiếp) kẹp trong Sổ tay sức khỏe mẹ và bé tới Trung tâm phúc lợi y tế trực thuộc hoặc nộp cho Phòng tư vấn sức khỏe thị dân khi tới nộp Giấy khai sinh.
Khám sức khỏe cho trẻ sơ sinh	Khám vào các đợt 3, 4 tháng tuổi; 6, 7 tháng tuổi; 9, 10 tháng tuổi tại cơ sở y tế được ủy thác.	Sẽ được thông báo tới từng cá nhân vào tháng trẻ được 2 tháng tuổi
Khám xương khớp cho trẻ sơ sinh	Khám vào đợt 3, 4 tháng tuổi tại cơ sở y tế được ủy thác trong thành phố.	
Tư vấn chăm sóc trẻ	Tiếp nhận tư vấn sức khỏe hoặc cách chăm sóc trẻ sơ sinh.	Tổ chức thường xuyên tại các trung tâm phúc lợi y tế, Tòa thị chính hoặc chi nhánh Tòa thị chính
Lớp học về trẻ sơ sinh	Tư vấn riêng và cung cấp thông tin cho cha mẹ về sức khỏe, ăn dặm, răng miệng,... của trẻ sơ sinh từ khoảng 2 tháng đến 12 tháng tuổi	Tổ chức thường xuyên (Đăng ký tham gia với trung tâm phúc lợi y tế)
Lớp học về ăn dặm	Chuyên gia quản lý dinh dưỡng sẽ tư vấn cho cha mẹ có em bé 4-5 tháng tuổi (con đầu lòng) về cách cho bé ăn dặm, cách nấu đồ ăn dặm	Tổ chức thường xuyên (Liên hệ với các trung tâm phúc lợi y tế)
Khám sức khỏe cho trẻ 1 năm 6 tháng tuổi	Khám sức khỏe cho trẻ 1 năm 6 tháng tuổi đồng thời tư vấn cách chăm sóc, dinh dưỡng và ngừa sâu răng cho trẻ.	Sẽ có giấy thông báo gửi đến nhà vào tháng trẻ được 1 năm 6 tháng tuổi
Câu lạc bộ răng Wan-paku	Lớp học phòng ngừa sâu răng cho trẻ trong độ tuổi từ 2 năm 2 tháng tuổi đến 3 năm 5 tháng tuổi.	Sẽ hướng dẫn đăng ký vào thời điểm trẻ khám sức khỏe đợt 1 năm 6 tháng tuổi
Khám sức khỏe cho trẻ 3 tuổi	Khám sức khỏe cho trẻ 3 năm 6 tháng tuổi đồng thời tư vấn cách chăm sóc, dinh dưỡng và ngừa sâu răng cho trẻ.	Sẽ có giấy thông báo gửi đến nhà vào tháng trẻ được 3 năm 5 tháng tuổi



② 予防接種

▶ 予防衛生課 TEL: 047-366-7483

乳幼児期に受ける定期予防接種の予診票（無料券）が冊子になった「定期予防接種ガイドブック」をお渡しします。出生届または転居届を提出後、市民健康相談室にて申込みをしてください。海外で受けたことがある人は、その予防接種記録を持参してください。松戸市では、おたふくかぜ任意予防接種の費用助成も行っています。

予防接種名	対象年齢と接種回数	備考
ロタウイルス感染症	ロタリクス 出生6週0日から24週0日まで（2回経口接種） ロタテック 出生6週0日から32週0日まで（3回経口接種）	● 個別接種のため市が委託している医療機関で実施します。
B型肝炎	1歳未満（3回接種）	● 幼児・学童期に受けるものは、対象年齢になったときに個人通知します。
小児の肺炎球菌感染症	生後2か月～5歳未満（4回接種）	※1：小学校就学前年度4月に個別通知 ※2：9歳誕生日前月に個別通知
DPT-IPV-Hib（ジフテリア・百日せき・破傷風・不活化ポリオ・ヒブ混合）	生後2か月～7歳6か月未満（4回接種）	※3：小学6年生の4月に個別通知 ※4：中学1年生と高校1年生の4月に個別通知
BCG	1歳未満（1回経皮接種）	● 定期予防接種を受けるには松戸市に住民登録していることが必要です。
MR（麻疹・風しん混合）	第1期：1歳～2歳未満（1回接種） 第2期：5歳以上7歳未満で小学校就学前年度4/1から3/31までの1年間（1回接種）※1	● 定期予防接種を受ける際「予防接種番号」が必要
水痘（水ぼうそう）	1歳～3歳未満（2回接種）	です。電話で申込みいただき、住民登録のある住居地へ郵送されます。
日本脳炎	第1期：生後6か月～7歳6か月未満（3回接種） 第2期：9歳～13歳未満（1回接種）※2	
DT（ジフテリア・破傷風混合）	第2期：11歳～13歳未満（1回接種）※3	
ヒトパピローマウイルス（子宮頸がん）	小学6年～高校1年生に相当する年齢の女性（3回接種）※4	

(3) 子育て支援

① 出産直後のサポート

産後ケア事業（宿泊型・日帰り型・訪問型）	出産後、産後ケア施設や自宅で産後のお母さんと赤ちゃんの心と体のケアや育児サポート（有料）が受けられます。事前審査が必要なため、お問合せください。	こども家庭センター 母子保健担当室 中央保健福祉センター	TEL: 047-366-7489
出生直後の援助	生後4か月未満の新生児がいるご家庭は、会員として登録（有料）することで、派遣された提供会員から簡単な調理やおむつ替えなどの援助を受けることができます。	まつどファミリー・サポート・センター	TEL: 047-330-2941



② Tiêm phòng

► Ban dịch tễ dự phòng TEL: 047-366-7483

Sẽ phát Sổ tay tiêm phòng định kỳ có các phiếu khám miễn phí trước tiêm phòng cho trẻ sơ sinh. Sau khi nộp Giấy chứng sinh hoặc thông báo chuyển chỗ ở, hãy đăng ký với Văn phòng tư vấn sức khỏe cư dân. Nếu đã từng tiêm phòng ở nước ngoài thì mang theo giấy tiêm phòng đó. Thành phố Matsudo có hỗ trợ phí tiêm phòng quai bị tự nguyện.

Tên vaccine	Tuổi tiêm và số mũi tiêm	Lưu ý
Virus Rota	Vaccine Rotarix: Từ 6 tuần 0 ngày tuổi đến 24 tuần 0 ngày tuổi (2 mũi uống) Vaccine Rotateq: Từ 6 tuần 0 ngày tuổi đến 32 tuần 0 ngày tuổi (3 mũi uống)	● Do là mũi tiêm riêng nên sẽ thực hiện tại các cơ sở y tế do thành phố ủy thác. ● Trẻ đến thời gian tiêm sẽ có giấy thông báo gửi đến nhà. ※ 1 : Gửi vào tháng 4 của năm trước khi vào tiểu học ※ 2 : Gửi vào tháng trước ngày sinh nhật 9 tuổi ※ 3 : Gửi vào tháng 4 năm lớp 6 tiểu học ※ 4 : Gửi vào tháng 4 năm thứ nhất THCS và năm thứ nhất THPT ● Để được tiêm phòng định kỳ thì cần phải có địa chỉ cư trú tại Matsudo. ● Khi tiêm phòng, cần có “Mã số tiêm phòng”. Vui lòng gọi điện đăng ký, chúng tôi sẽ gửi mã số tiêm phòng về địa chỉ đăng ký cư trú.
Viêm gan B	Dưới 1 tuổi (3 mũi)	
Phế cầu khuẩn	Từ 2 tháng tuổi đến dưới 5 tuổi (4 mũi)	
Bạch hầu • Ho gà • Uốn ván • Bại liệt Khử hoạt tính • Cúm Hib	Từ 2 tháng tuổi đến dưới 7 năm 6 tháng tuổi (4 mũi)	
Lao phổi	Dưới 1 tuổi (1 mũi tiêm dưới da)	
Sởi và Rubella	Kỳ 1: Từ 1 đến dưới 2 tuổi (1 mũi) Kỳ 2: Từ 5 đến dưới 7 tuổi Trước khi đi học tiểu học 1 năm (Trong vòng 1 năm từ ngày 1/4 đến 31/3) (1 mũi) ※ 1	
Thủy đậu	Từ 1 đến dưới 3 tuổi (2 mũi)	
Viêm não Nhật Bản	Kỳ 1: Từ 6 tháng tuổi đến dưới 7 năm 6 tháng tuổi (3 mũi) Kỳ 2: Từ 9 đến dưới 13 tuổi (1 mũi) ※ 2	
Bạch hầu • Uốn ván	Kỳ 2: Từ 11 đến dưới 13 tuổi (1 mũi) ※ 3	
HPV	Trẻ là nữ từ năm lớp 6 tiểu học cho tới lớp 10 (3 mũi) ※ 4	

(3) Hỗ trợ nuôi dạy trẻ

① Hỗ trợ sau sinh

Dịch vụ chăm sóc sau sinh (Ngủ lại qua đêm • Hỗ trợ ban ngày • Đến thăm hỏi)	Sau khi sinh con, có thể nhận dịch vụ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho mẹ và con (có mất phí) tại cơ sở chăm sóc sau sinh hoặc tại nhà. Vui lòng liên hệ với chúng tôi vì sẽ cần xét duyệt trước.	Trung tâm trẻ em và gia đình Văn phòng phụ trách sức khỏe mẹ và bé Trung tâm phúc lợi y tế trung ương	TEL : 047-366-7489
Hỗ trợ sau sinh	Với gia đình có trẻ sơ sinh dưới 4 tháng tuổi, nếu đăng ký thành viên (mất phí) thì sẽ có nhân viên đến tận nhà hỗ trợ nấu nướng đơn giản và thay bỉm.	Trung tâm hỗ trợ gia đình Matsudo	TEL : 047-330-2941



② こどもが通う施設

こうりつ ほいくしょ みんかん ほいくえん 公立保育所・民間保育園・ しょうきほ ほいくしぎょう にんてい 小規模保育事業・認定こ ども園	ほごしゃ しやうろう りゆう かてい ほいく ほごしゃ 保護者の就労などの理由で、家庭で保育のできない保護者に 代わって就学前のこどもを保育する施設です。	ほいく か 保育課	TEL : 047-366- 7351
しりつようちえん 私立幼稚園	おも さい しやうがっこうしやうがくまえ かよ きやういく しせつ 主に3歳から小学校就学前のこどもが通う教育施設です。 にやうえん てつづ にやうえんりやう りやうりやう 入園手続きや、入園料・利用料などについては各幼稚園にお 問い合わせください。 しせつなとりやうきやうふにんてい やうじきやういくむしやうか てつづ 施設等利用給付認定（幼児教育無償化）手続きなど、制度に 関することについては幼児教育課までお問い合わせください。	やうじきやういく か 幼児教育課	TEL : 047-701- 5126

③ 子育てサポート

いちじあず 一時預かり	いちじあず いちじりやう ていきりやう くわ 一時預かりには一時利用と定期利用があります。詳しくはお 問い合わせください。	ほいく か 保育課	TEL : 047-366- 7351
ファミリー・サポート・セ ンター	せいこ げつ しやうがっこう ねんせい かてい 生後4か月から小学校6年生までのこどもがいるご家庭は、 かいいん どうろく ゆうりやう 会員として登録（有料）することで、はげん 預かり保育や送迎などの支援を受けることができます。	まつどファミリー・ サポート・センター	TEL : 047-330- 2941
こどもショートステイ	ほごしゃ しつべい しゅっさん かてい 保護者が疾病・出産などにより、家庭での育児が困難なとき に、まん さいいじやう いちじてき あず 満1歳以上のこどもを一時的に預けることができる制度 です。	こどもかてい こども家庭センター	TEL : 047-366- 3941
まつドリ baby ヘルパー	かていいくじ ふあん ふたん かか にんぶ 家事育児に不安や負担を抱える妊婦さんや、保育園、幼稚園 などに通っていない2歳未満のこどもがいるご家庭に、家事 いくじ てつだ 育児のお手伝いをするヘルパーを派遣する制度です。	こどもかてい こども家庭センター	TEL : 047-366- 3944
ほうかご 放課後 KIDS ルーム	としよしつ がっこうしせつ かつよう しやうがくせい ほうかご 図書室などの学校施設を活用して、小学生が放課後などに がくしゅう たいけんかつどう ぼしよ 学習や体験活動ができる場所です。	こどもいばしよか 子ども居場所課	TEL : 047-366- 7464
ほうかごじどう 放課後児童クラブ	ほごしゃ しごと りゆう ひるまかてい しやうがくせい ほうかご 保護者が仕事などの理由で昼間家庭にいない小学生を放課後 などにお預かりします。		
おやこ DE 広場 / 子育て支援センター	しな い 20 かの おやこ DE 広場と、8 かの こそだ しえん 市内20か所のおやこ DE 広場と、8か所の子育て支援セン ターでは、親子で遊ぶ、仲間作り、育児相談などもできます。	こどもみらいおやえんか 子ども未来応援課	TEL : 047-366- 7347
ほっとる一むの一時預かり	つういん か もの い ばあい 通院や買い物に行く場合のような「ちょっとだけこどもを預 けたい」時に、4時間まで子どもを預けることができます。		
びやうじ びやうごじ ほいく 病児・病後児保育	びやうき とき びやうきかいふくき しやうだんほいく かていほいく こんなん 病気の時や病気回復期のため、集団保育や家庭保育が困難な こどもを預けることができます。		

④ 子育て・家庭相談

そうだんないやう 相談内容	そうだんさき 相談先	TEL
ほし けんこう えいよう し か けん いくじ 母子の健康・栄養・歯科保健や育児	ちやうおう ほけんふくし 中央保健福祉センター	047-366-7489
	こがねほけんふくし 小金保健福祉センター	047-346-5601
	ときわだいらほけんふくし 常盤平保健福祉センター	047-384-1333
こどものしんしん はつたつ こどもの心身の発達	こどもはつたつ こども発達センター	047-383-8111



② Cơ sở vật chất dành cho trẻ

Trường mầm non công lập, tư thực • Cơ sở trông trẻ quy mô nhỏ • Trường mẫu giáo phức hợp	Các cơ sở nhận trông trẻ dành cho các gia đình do cha mẹ đi làm không thể trông trẻ tại nhà.	Ban nuôi dạy trẻ	TEL : 047-366-7351
Trường mẫu giáo tư thực	Là cơ sở giáo dục dành cho trẻ từ 3 tuổi trở lên cho đến khi vào tiểu học. Thông tin về thủ tục đăng ký, học phí vui lòng liên hệ trực tiếp với nhà trường. Thông tin về chế độ như thủ tục nhận trợ cấp giáo dục (miễn học phí mẫu giáo), vui lòng liên hệ Ban giáo dục trẻ.	Ban giáo dục trẻ	TEL : 047-701-5126

③ Hỗ trợ nuôi dạy trẻ

Trông trẻ theo giờ	Dịch vụ trông trẻ theo giờ hoặc định kỳ.	Ban nuôi dạy trẻ	TEL : 047-366-7351
Trung tâm hỗ trợ gia đình	Với gia đình có trẻ từ 4 tháng tuổi đến lớp 6 tiểu học, nếu đăng ký thành viên (mất phí) thì sẽ có nhân viên hỗ trợ việc đưa đón và trông giữ trẻ.	Trung tâm hỗ trợ gia đình Matsudo	TEL : 047-330-2941
Gửi trẻ ngắn hạn	Là chế độ trông nom trẻ ngắn hạn (dành cho trẻ đủ 1 tuổi trở lên) trong trường hợp cha mẹ hoặc người bảo hộ bị bệnh hoặc mới sinh em bé khiến trẻ không có đủ điều kiện chăm sóc tại nhà.	Trung tâm trẻ em và gia đình	TEL : 047-366-3941
Người hỗ trợ - Matsudori baby helper	Với những thai phụ đang lo lắng hoặc có gánh nặng trong việc nuôi con, làm việc nhà hoặc gia đình có con dưới 2 tuổi không đi gửi trẻ thì sẽ có người hỗ trợ (helper) đến phụ giúp việc nhà, chăm con.	Trung tâm trẻ em và gia đình	TEL : 047-366-3944
KIDS Room – Nơi sinh hoạt cho trẻ sau giờ tan học	Sử dụng cơ sở vật chất của trường học như phòng đọc sách để học sinh tiểu học học và hoạt động trải nghiệm sau giờ học.	Ban quản lý địa điểm cho thanh thiếu niên	TEL : 047-366-7464
Trung tâm trông trẻ sau giờ học	Nhận giữ học sinh tiểu học có cha mẹ đi làm không có nhà sau giờ học.		
Địa điểm giao lưu Oyako De Hiroba/ Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ	Trong thành phố có 20 điểm giao lưu Oyako De Hiroba và 8 trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ, là nơi giao lưu, kết bạn và tư vấn nuôi dạy trẻ.	Ban hỗ trợ tương lai trẻ em	TEL : 047-366-7347
Trông trẻ theo giờ Hot Room	Nhận trông trẻ tối đa 4 tiếng để cha mẹ có thời gian đi khám bệnh hoặc mua sắm.		
Trông trẻ bị bệnh hoặc trẻ đang hồi phục	Nhận trông trẻ đang bị bệnh hoặc đang trong quá trình hồi phục nhưng không thể gửi ở nhà trẻ tập thể hoặc trông tại nhà.		

④ Tư vấn gia đình và nuôi dạy trẻ

Nội dung tư vấn	Địa điểm tư vấn	TEL
Sức khỏe mẹ và bé, dinh dưỡng, sức khỏe răng miệng, nuôi dạy trẻ	Trung tâm phúc lợi y tế trung ương	047-366-7489
	Trung tâm phúc lợi y tế Kogane	047-346-5601
	Trung tâm phúc lợi y tế Tokiwadaira	047-384-1333
Phát triển tâm sinh lý của trẻ	Trung tâm phát triển trẻ em	047-383-8111

